

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

M.S.C.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Hiển	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Chiến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Ngọc Quỳnh Lam	Trưởng ban
Ông Phạm Hải Sơn	Thành viên
Ông Quản Xuân Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Kinh Doanh
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS
Ông Trần Văn Hiển	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thu Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Số: 385/2022/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2022 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Huỳnh Thị Bích Liễu
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3902-2022-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.381.690.102	153.380.552.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	47.925.463.387	71.945.121.476
1. Tiền	111		7.925.463.387	7.765.121.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	64.180.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.455.872.631	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.455.872.631	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.059.720.187	76.602.320.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	84.919.241.408	86.701.843.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		596.805.620	1.684.036.466
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	13.882.611.138	9.330.200.583
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(23.338.937.979)	(21.113.760.295)
IV. Hàng tồn kho	140		6.166.384.149	2.434.805.047
1. Hàng tồn kho	141	4.6	6.166.384.149	2.434.805.047
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		774.249.748	1.398.305.920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		314.366.498	394.680.446
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.003.625.474
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	459.883.250	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.666.725.901	95.981.436.486
I. Tài sản cố định	220		8.617.531.213	10.979.985.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	4.510.941.759	6.873.395.684
Nguyên giá	222		47.597.042.335	47.465.118.244
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.086.100.576)	(40.591.722.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	4.106.589.454	4.106.589.454
Nguyên giá	228		4.106.589.454	4.106.589.454
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.000.000.000	84.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	84.000.000.000	84.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.049.194.688	1.001.451.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.049.194.688	1.001.451.348
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		226.048.416.003	249.361.989.361

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.023.290.499	131.879.069.963
I. Nợ ngắn hạn	310		107.023.290.499	129.879.069.963
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	9.782.706.463	20.565.347.903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	44.660.756.488	49.156.753.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	3.708.019.886	1.671.596.815
4. Phải trả người lao động	314		10.838.048.500	12.751.691.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		282.100.808	402.433.970
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	34.307.028.948	39.421.352.646
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.370.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.955.071.040	3.094.935.437
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		489.558.366	444.958.366
II. Nợ dài hạn	330		-	2.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	2.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.13	119.025.125.504	117.482.919.398
I. Vốn chủ sở hữu	410		119.025.125.504	117.482.919.398
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.264.219.398	49.417.044.238
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.200.000.000	4.200.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.560.906.106	21.865.875.160
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.560.906.106	21.865.875.160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		226.048.416.003	249.361.989.361



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	150.164.259.273	220.612.472.409
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.164.259.273	220.612.472.409
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	116.516.308.809	185.956.842.639
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.647.950.464	34.655.629.770
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.957.359.632	3.498.333.279
6. Chi phí tài chính	22		177.119.310	401.334.231
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		28.485.000	399.741.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	23.355.032.327	15.878.886.701
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.073.158.459	21.873.742.117
10. Thu nhập khác	31		141.864.397	5.489.452.228
11. Lợi nhuận khác	40		141.864.397	5.489.452.228
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.215.022.856	27.363.194.345
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	1.654.116.750	5.497.319.185
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.560.906.106	21.865.875.160



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Ngô Thu Hương
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.215.022.856	27.363.194.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.494.378.016	3.209.759.159
Các khoản dự phòng	03	5.5	2.225.177.684	(6.687.780.240)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		148.634.310	(118.981.182)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.957.359.632)	(3.414.122.502)
Chi phí lãi vay	06		28.485.000	399.741.000
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.154.338.234	20.751.810.580
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(594.707.846)	16.756.820.009
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.731.579.102)	5.183.384.024
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.836.990.484)	2.163.786.364
Tăng giảm chi phí trả trước	12		32.570.608	409.944.564
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(229.277.000)	(892.036.465)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(3.306.997.730)	(5.589.390.628)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(174.100.000)	(42.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.686.743.320)	38.741.428.448
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(131.924.091)	(524.492.917)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(2.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	795.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.957.359.632	3.377.758.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.825.435.541	1.284.629.585

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	3.000.000.000	3.600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(7.370.000.000)	(15.700.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.4	(16.639.716.000)	(10.452.310.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.009.716.000)	(22.552.310.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(23.871.023.779)	17.473.748.033
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		71.945.121.476	54.352.392.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(148.634.310)	118.981.182
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	47.925.463.387	71.945.121.476



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022


Ngô Thu Hương
Kê toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 251 (31/12/2020: 250).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phục xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi, thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng. Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Đo đạc bản đồ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất - nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản; và
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Phước Hòa	461, đường 30/ 4, phường Phú Thọ, tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	70%	70%	70%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▪ Khác	06 – 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12.Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các đồng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13.Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.14 dưới đây.

3.14.Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15.Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16.Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	190.509.000	2.440.746.772
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.734.954.387	5.324.374.704
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	64.180.000.000
Cộng	47.925.463.387	71.945.121.476

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,0% đến 3,3%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 12 tháng tại ngày 31/12/2021.

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phước Hòa tại ngày 31/12/2021. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 7	328.947.800	328.947.800
Phải thu từ các khách hàng khác (*)	84.590.293.608	86.372.895.878
Cộng	84.919.241.408	86.701.843.678

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.899.924.341	-	857.272.906	-
Phải thu thanh toán khoán	393.026.578	-	1.067.471	-
Ký cược, ký quỹ	10.583.282.518	-	8.466.281.955	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	6.377.701	-	5.578.251	-
Cộng	13.882.611.138	-	9.330.200.583	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	46.754.236.125	23.415.298.146	32.824.891.942	11.711.131.647

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV 17	5.535.349.379	2.326.828.626	Trên 3 năm	9.311.308.484	665.269.627	Trên 3 năm
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	5.762.684.000	4.030.378.800	Từ 1 năm đến trên 3 năm	887.000.000	536.000.000	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	35.456.202.746	17.058.090.720	Từ 1 năm đến trên 3 năm	22.626.583.458	10.509.862.020	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng	46.754.236.125	23.415.298.146		32.824.891.942	11.711.131.647	

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	547.535.999	-	618.923.593	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.618.848.150	-	1.815.881.454	-
Cộng	6.166.384.149	-	2.434.805.047	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	4.648.132.427	30.633.403.148	10.628.940.472	845.551.288	709.090.909	47.465.118.244
Mua trong năm	-	78.000.000	53.924.091	-	-	131.924.091
Tại ngày 31/12/2021	4.648.132.427	30.711.403.148	10.682.864.563	845.551.288	709.090.909	47.597.042.335
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	3.241.286.048	26.385.256.985	10.307.998.781	491.726.198	165.454.548	40.591.722.560
Khấu hao trong năm	95.047.362	1.976.629.510	196.121.032	84.761.928	141.818.184	2.494.378.016
Tại ngày 31/12/2021	3.336.333.410	28.361.886.495	10.504.119.813	576.488.126	307.272.732	43.086.100.576
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	1.406.846.379	4.248.146.163	320.941.691	353.825.090	543.636.361	6.873.395.684
Tại ngày 31/12/2021	1.311.799.017	2.349.516.653	178.744.750	269.063.162	401.818.177	4.510.941.759

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.227.681.753 VND.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn Công nghiệp – Điện Quảng Trị	1.475.926.000	1.475.926.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.540.000.000	1.540.000.000	5.918.841.494	5.918.841.494
Công ty TNHH Hoàng Minh	1.586.540.278	1.586.540.278	3.702.612.260	3.702.612.260
Phải trả cho các người bán khác (*)	5.180.240.185	5.180.240.185	10.943.894.149	10.943.894.149
Cộng	9.782.706.463	9.782.706.463	20.565.347.903	20.565.347.903

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phải trả cho các người bán khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Sông Sài Gòn	9.092.309.698	9.092.309.698
Công ty TNHH Yasuda Việt Nam	7.259.996.880	7.259.996.880
Các khách hàng khác (*)	28.308.449.910	32.804.447.248
Cộng	44.660.756.488	49.156.753.826

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư của các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng nhỏ hơn 10% tổng số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.043.250.171	7.566.541.144	4.523.290.973	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.883.250	-	1.654.116.750	3.306.997.730	-	1.192.997.730
Thuế thu nhập cá nhân	-	664.769.715	4.871.605.531	4.685.434.901	-	478.599.085
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	459.883.250	3.708.019.886	14.095.263.425	12.518.723.604	-	1.671.596.815

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả cổ phần hóa	557.822.580	557.822.580
Cổ tức phải trả	221.654.000	61.370.000
Phải trả thanh toán khoán	33.062.220.792	38.337.225.234
Các khoản phải trả, phải nộp khác	465.331.576	464.934.832
Cộng	34.307.028.948	39.421.352.646

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2020	42.000.000.000	45.626.909.266	4.200.000.000	14.434.434.972	106.261.344.238
Lãi trong năm trước				21.865.875.160	21.865.875.160
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.790.134.972	-	(3.790.134.972)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(144.300.000)	(144.300.000)
Cổ tức				(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	42.000.000.000	49.417.044.238	4.200.000.000	21.865.875.160	117.482.919.398
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.560.906.106	18.560.906.106
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.847.175.160	-	(4.847.175.160)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(218.700.000)	(218.700.000)
Cổ tức	-	-	-	(16.800.000.000)	(16.800.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	42.000.000.000	54.264.219.398	4.200.000.000	18.560.906.106	119.025.125.504

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ông Bùi Hữu Quỳnh	10.474.900.000	10.474.900.000
Bà Ngô Thu Hương	4.300.000.000	4.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.225.100.000	27.225.100.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.13.4. Cổ tức

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức đã chi trả của cổ phiếu phổ thông	16.639.716.000	10.452.310.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	7.428,60	7.428,60
EUR	65.821,65	51.955,28

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

Doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020 là do ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) làm các công trình thi công bị gián đoạn và sản lượng tư vấn cũng bị giảm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán năm nay giảm có liên quan đến giảm doanh thu năm nay như được thuyết minh tại mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	1.557.359.632	3.377.758.866
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	120.574.413
Cổ tức được chia từ bên liên quan – Xem thêm mục 7	8.400.000.000	-
Cộng	9.957.359.632	3.498.333.279

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.220.313.816	17.787.435.937
Chi phí vật liệu quản lý	497.870.420	799.420.132
Chi phí đồ dùng văn phòng	558.065.025	700.029.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	454.532.410	870.958.070
Thuế, phí và lệ phí	162.090.000	215.362.910
Chi phí dự phòng	2.225.177.684	(8.039.073.400)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.988.081.491	2.919.298.100
Chi phí bằng tiền khác	248.901.481	625.455.600
Cộng	23.355.032.327	15.878.886.701

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng chủ yếu do trong năm đã trích lập thêm chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khách hàng chậm thanh toán theo Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.890.572.656	54.466.464.591
Chi phí nhân công	79.227.130.914	87.281.805.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.494.378.016	3.209.759.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.309.693.002	47.157.453.045
Chi phí khác bằng tiền	3.527.355.560	11.167.971.484
Chi phí dự phòng	2.225.177.684	(6.687.780.240)
Cộng	143.674.307.832	196.595.673.797

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	20.215.022.856	27.363.194.345
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo luật thuế TNDN	96.788	61.794.307
Cộng: Các khoản điều chỉnh giảm	(8.400.000.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	11.815.119.644	27.424.988.652
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.363.023.929	5.484.997.730
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	12.321.455
Thuế TNDN được giảm trừ 30% theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ	(708.907.179)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.654.116.750	5.497.319.185

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.000.000.000	3.600.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(7.370.000.000)	(15.700.000.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|----------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Phước Hòa | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Sông Cầu | Công ty có cùng nhân sự chủ chốt |
| 3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Sông Cầu	328.947.800	328.947.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Năm 2021
VND**

Cổ tức phải trả:

Ông Bùi Hữu Quỳnh	(4.189.960.000)
Ngô Thu Hương	(1.720.000.000)
Lê Văn Quốc	(148.720.000)
Nguyễn Tiến Đạt	(43.920.000)
Nguyễn Văn Tiến	(1.184.040.000)
Trần Văn Hiền	(543.040.000)
Phạm Minh Trí	(16.000.000)
Đào Văn Nam	(110.000.000)
Các cổ đông khác	(8.844.320.000)

Cộng – Xem thêm mục 4.13.1**(16.800.000.000)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Trả nợ gốc vay:		
Ông Đào Văn Nam – Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS	200.000.000	-
Ông Lê Văn Quốc – Phó Tổng Giám đốc	1.000.000.000	-
Cộng	1.200.000.000	-
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND

Cổ tức được chia – Xem thêm mục 5.3:

Công ty Cổ phần Phước Hoà	8.400.000.000	-
---------------------------	---------------	---

Thù lao Hội đồng Quản trị trong năm được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Trần Văn Hiền	Phó chủ tịch	96.000.000	96.000.000
Ngô Thu Hương	Ủy viên	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Đức Chiến	Ủy viên	84.000.000	84.000.000
Cộng		468.000.000	468.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Điều hành và các nhân sự chủ chốt khác được chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	1.142.000.000	1.213.000.000
Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ KCS	744.940.000	1.053.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	1.062.000.000	1.143.000.000
Trần Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	992.000.000	1.063.000.000
Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	742.000.000	973.000.000
Ngô Thu Hương	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	992.000.000	1.063.000.000
Lê Văn Quốc	Phó Tổng Giám đốc	1.483.748.000	109.100.000
Phạm Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	1.106.283.000	86.000.000
Cộng		8.264.971.000	6.703.100.000

8. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Thù lao của Ban kiểm soát	108.000.000	108.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31/12/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài các vấn đề nêu trên, không có vấn đề nào khác hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập